

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC .. – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DSST
Ngày: 09-7-2025
*V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC .. - ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực .. – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
ông Huỳnh Tân Phát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/09/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực .. – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 02/4/2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S ; Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q và khai thác tài sản ngân hàng S theo giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Tổng giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: ông Lê Ngọc T, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Đức T1, chức vụ: nhân viên công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản ngân hàng S theo giấy ủy quyền số 7674/2024/UQ-TGD ngày 07/./2024 của Tổng giám đốc. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thành T2, sinh năm 1995; Địa chỉ: 2 N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/./2024 và các tài liệu có tại hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Đức T1 trình bày được tóm tắt như sau: Ngày 19/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP S (gọi tắt: Ngân hàng) và ông T2 có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, theo đó Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất hai bên thỏa thuận 2.6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, thời hạn trả nợ không xác định.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 83.879.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T2 đã thanh toán được 57.306.986 đồng. Từ ngày 23/8/2021 ông T2 không trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 43.584.549 đồng. Từ ngày 23/8/2021 cho đến nay, nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở và yêu cầu ông T2 trả nợ nhưng ông T2 không trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/7/2025 ông T2 còn nợ số tiền 125.439.349 đồng trong đó nợ gốc 43.584.549 đồng, nợ lãi quá hạn 81.854.800 đồng. Vì ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông T2 phải trả số tiền 125.439.349 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/7/2025 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông T2 trả nợ xong.

* Bị đơn ông Lê Thành T2 vắng mặt nên không có lời trình bày

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực .. – Đắc Lắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn ông T2 không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2025 là 125.439.349 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Thành T2 có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắc Lắc) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực .. – Đắc Lắc theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Thành T2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 19/5/2020 và điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, xác định, bị đơn ông Lê Thành T2 có vay của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất hai bên thỏa thuận 2.6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, thời hạn trả nợ không xác định.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T2 đã thanh toán được 57.306.986 đồng. Từ ngày 23/8/2021 ông T2 không trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 43.584.549 đồng. Tính đến ngày 07/7/2025 ông T2 còn nợ số tiền 125.439.349 đồng trong đó nợ gốc 43.584.549 đồng, nợ lãi quá hạn 81.854.800 đồng. Nhiều lần, Ngân hàng yêu cầu ông T2 trả nợ nhưng ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ nêu trên.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn ông T2 phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tính đến ngày 07/7/2025 là 125.439.349 đồng và tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 19/5/2020 mà hai bên đã ký kết.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn ông T2 phải chịu 6.271.967 đồng (125.439.349 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Lê Thành T2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng cộng số tiền tính đến ngày 07/7/2025 là 125.439.349 đồng (*một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi chín đồng*) trong đó nợ gốc 43.584.549 đồng (*bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn 81.854.800 đồng (*tám mươi một triệu*

tám trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2025), ông Lê Thành T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Thành T2 phải chịu 6.271.967 đồng (*sáu triệu hai trăm bảy mươi một nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 2.787.524 đồng (*hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057058 ngày 30/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk
- VKSND khu vực .. - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực .. - Đắk Lắk
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang